TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
KHU VỰC 4 - LÂM ĐỒNG	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 40/2025/HNGĐ-ST	
Ngày 03-9-2025	
V/v " *Ly hôn"*	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC - LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Thanh Thúy**.

Các Hội thẩm nhân dân: + Bà **Nguyễn Thị Tài**

+ Bà **Trần Thị Quế**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông **Nguyễn Anh Vương**-Thư ký Toà án nhân dân khu vực 4- Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4-Lâm Đồng tham gia phiên toà:*** Ông **Trần Quốc Khánh**- Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4-Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 26/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2025 về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị K Th M L; Sinh năm 2000.

NKTT: Thôn 3 B' Lá, xã Bảo Lâm 4, tỉnh Lâm Đồng

Chỗ ở hiện nay: Thôn 1, Phường 3 Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng

Bị đơn: Anh L V T- Sinh năm 1998.

Địa chỉ: Thôn 3 B' Lá, xã Bảo Lâm 4, tỉnh Lâm Đồng

(*Nguyên đơn; bị đơn có mặt tại phiên tòa*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/7/2025, lời khai trong quá trình giải quyết nguyên đơn chị K Th M L trình bày*:*

Chị K Th M L và anh L V T tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B' Lá, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng. Nay là xã Bảo Lâm 4, Lâm Đồng. Theo chứng nhận kết hôn số 11 ngày 17 tháng 4 năm 2019. Vợ chồng sống hạnh phúc trong thời gian ngắn thì phát sinh nhiều mâu thuẫn bất đồng quan điểm sống, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị về mẹ đẻ sống cả hai ly thân trong một thời gian dài không có tiếng nói chung. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn vì vậy đề nghị cho chị được ly hôn với anh L V T

Về con chung: Chị K Th M L trình bày có 01 con chung tên L T K, sinh ngày 23/01/2020. Sau khi sinh con chị đưa con về mẹ đẻ chăm sóc nuôi dưỡng và

sinh sống tại phường 3 Bảo Lộc, Lâm Đồng cho đến nay. Chị xin nguyện vọng được nuôi con chung nêu trên.

Về phần cấp dưỡng: Chị trình bày không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung lý do từ khi sinh con chị là người nuôi dưỡng. Chị làm công nhân hàng tháng bình quân thu nhập khoảng hơn 7.000.000đ đủ điều kiện nuôi con chung và được bố mẹ ruột hỗ trợ nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị trình không có tài sản chung không yêu cầu giải quyết

Về nợ chung: Không có nợ chung.

Tại các văn bản khai, lấy lời khai anh L V T trình bày giữa anh và chị L kết hôn tự nguyện trong quá trình vợ chồng chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn nên cả hai sống ly thân trong một thời gian dài khoảng 03 năm. Không còn tình cảm yêu thương nhau, anh thống nhất đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị L; Về con chung có 01 con chung tên L T K, sinh ngày 23/01/2020 anh xin nguyện vọng được nuôi con chung, anh đủ điều kiện nuôi con chung thu nhập hàng năm khoảng 600.000.000đ đến 700.000.000đ từ làm vườn; Về cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu; Về tài sản chung: Anh trình không có tài sản chung không yêu cầu giải quyết; Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên Tòa: Ch K Th M L và anh L V T thống nhất thuận tình ly hôn; Về con chung Chị L xin được nuôi con chung không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, anh Tuấn xin được nuôi con chung, về cấp dưỡng không yêu cầu.

Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lâm Đồng về giải quyết vụ án: Về tố tụng quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 53, 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Tại phiên tòa chị K Th M L và anh L V T thống nhất việc ly hôn đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn; Về con chung đề nghị giao con chung: L Tuấn K, sinh ngày 23/01/2020 cho chị Kiên Thị Mỹ Linh trực tiếp nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con: không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đề nghị; Về tài sản: không đề nghị; Về nợ chung: không có nợ không xem xét; Về án phí: Giải quyết theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án*:* Xuất phát từ việc vợ chồng mâu thuẫn với nhau trong cuộc sống hôn nhân nên chị K T M L xin được ly hôn với với anh L V T. Vì vậy đủ cơ sở xác định quan hệ tranh chấp hôn nhân gia đình *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do bị đơn anh V T có đăng ký thường trú tại Thôn 3, xã Bảo Lâm 4, tỉnh Lâm Đồng. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4- Lâm Đồng.

[2] Về hôn nhân: Chị K Th M L và anh L V T tự nguyện kết hôn và được tại

Ủy ban nhân dân xã B' Lá, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng Nay là xã Bảo Lâm 4, Lâm Đồng theo chứng nhận kết hôn số 11 ngày 17 tháng 4 năm 2019 là hợp pháp. Theo lời trình bày của chị Linh cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên xảy nhiều mâu thuẫn, cải vã nhau, trầm trọng khi cả hai sống sống ly thân trong một thời gian dài cho đến nay, vợ chồng không thể hàn gắn được xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị được ly hôn với anh Tuấn. Tại văn bản, tại phiên Tòa anh Tuấn thừa nhận vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, anh cho rằng cả hai không còn tình cảm yêu thương anh đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng phải xuất phát từ cả hai phía cùng yêu thương, quý trọng và cùng nhau có trách nhiệm chăm sóc giúp đỡ nhau. Tại phiên tòa anh Tuấn đồng ý ly hôn. Xét thấy cuộc sống chung của anh Tuấn và chị Linh nếu tiếp tục kéo dài quan hệ hôn nhân nói trên thì mục đích hôn nhân không đạt được. Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Linh và anh Tuấn

[3] Về nuôi con chung: Chị L và anh Tuấn 01 con chung tên L T K, sinh ngày 23/01/2020. Từ khi chị Linh và anh T sống ly thân cho đến nay thì người con chung vẫn sống cùng với chị L. Chị L có nguyện vọng nuôi con chung. Anh Lý Văn T có nguyện vọng xin được nuôi con chung, anh thừa nhận từ khi ly thân chị L là người trực tiếp nuôi con chung, con chung phát triển bình thường việc nuôi con của chị Linh đảm bảo. Hội đồng xét xử xét thấy con chung từ khi con còn nhỏ đến nay chị Linh đang là người nuôi dưỡng đảm bảo phát triển toàn diện, anh Tuấn thừa nhận con chung phát triển bình thường. Cháu L T k sinh 23/01/2020 đang còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ nên thấy rằng cần giao con chung Lý Tuấn Kiệt sinh ngày 23/01/2020 cho chị K Th M L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng: Chị Linh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con đây là sự tự nguyện. Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự trình bày không có tài sản chung. Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Các đương sự trình bày không có nợ chung. Hội đồng xét xử không đề cập.

[7] Về án phí: Chị L là nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 55, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Kiên Thị Mỹ Linh

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **K Th M L**

và anh **L V T**.

Về con chung: Giao con chung tên **L T K**; sinh ngày 23/01/2020 cho chị **K Th M L** trực tiếp nuôi dưỡng.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được thực hiện theo qui định của Luật hôn nhân và gia đình.

Về án phí: Chị K Th M L là nguyên đơn phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000780 ngày 18 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 4-Lâm Đồng;
- THADS tỉnh lâm đồng;
- Phòng thi hành án dân sự khu vực 4- Lâm Đồng
- UBND xã đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Trần Thị Thanh Thúy

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA